

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2017

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đổi

Ông Lý Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 785/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Long An.

Hiện đang cư trú: ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim P trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh Q có tìm hiểu, sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2009. Bà và ông Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 21/04/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến năm 2017 phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân do ông Q thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, đánh đập vợ, không tôn trọng bà, gia đình ông Q hắt hủi bà. Bà nhiều lần chịu đựng khuyên ngăn

ông Q thay đổi, nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Bà và ông Q ly thân từ tháng 03 năm 2017 đến nay. Hiện tại, bà xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Q có 02 con chung tên là Nguyễn Minh L, sinh ngày 20/3/2010 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 10/8/2014. Hiện con chung đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà xác định giữa bà và ông Q không có tài sản chung và không có nợ ai, nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

Tại bản tự khai ngày 24/8/2017, bị đơn là ông Nguyễn Minh Q trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà P về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ông thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông và bà P có 02 con chung như bà P đã trình bày. Hiện con chung đang sống chung với bà P. Khi ly hôn ông đồng ý để bà P được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà P không có tài sản chung và không có nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngày 01/9/2017, Bà P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay: bị đơn là ông Nguyễn Minh Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim P vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Minh Q. Ông Q đang cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn là ông Nguyễn Minh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P:

[2.1] Về hôn nhân: Bà P và ông Q tự nguyện sống chung với nhau và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 53/2010 quyền số 01 đăng ký ngày 21/4/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Minh Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống, bà P và ông Q có phát sinh mâu thuẫn là nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Bà P cho rằng ông Q thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, đánh đập vợ, không tôn trọng vợ, gia đình ông Q hắt hủi bà dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà P và ông Q cũng đã ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q có đơn đề nghị vắng mặt các buổi hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chứng tỏ ông Q cũng không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà P và chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà P và ông Q là có thật, tình trạng hôn nhân đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà P yêu cầu ly hôn với ông Q và ông Q cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử cho bà P được ly hôn với ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung: Hiện tại 02 con chung tên là Nguyễn Minh L, sinh ngày 20/3/2010 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 10/8/2014 đang sống chung với bà P. Bà P yêu cầu được nuôi 02 con chung và ông Q cũng có ý kiến đồng ý. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 26/8/2017, cháu Nguyễn Minh L có nguyện vọng sống với bà P khi bà P và ông Q ly hôn. Bà P đang làm công nhân tại huyện B, tỉnh Tây Ninh với thu nhập ổn định trên 7.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, căn cứ vào yêu cầu của các bên, nguyện vọng của con chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên giao 02 con chung cho bà P được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản, về nợ chung: bà P và ông Q đều xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với ông Nguyễn Minh Q.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim P được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Minh L, giới tính: nam, sinh ngày 20/3/201 và Nguyễn Thị Kim N, giới tính: nữ, sinh ngày 10/8/2014. Ông Nguyễn Minh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001129 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Kim P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Minh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Long An *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Đinh Tiên Phương